THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1244/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015 với các nội dung sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ

Tập trung xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ để huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ bản việc xây dựng và quản lý nhà nước các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước. Thay đổi căn bản cơ chế tài chính và phương thức đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. Bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo đúng chuẩn mực thế giới.

2. Đầu tư đúng mức nghiên cứu cơ bản có trọng điểm theo yêu cầu phát triển của đất nước; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh và mục đích công cộng

Tập trung nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, đặc biệt là các lĩnh vực có nhu cầu và tiềm năng phát triển nhằm nâng cao trình độ, vị thế khoa học của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để phát triển lý luận, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm phục vụ quốc phòng, an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế biển, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3. Tập trung nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia

Tập trung nguồn lực để thực hiện các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao; Chương trình đổi mới công nghệ; Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam; Chương trình quốc gia phát triển tài sản trí tuệ; Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn, miền núi; Chương trình hỗ trợ hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thúc đẩy tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

4. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và sản xuất, phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Tạo bước chuyển biến đột phá trong đầu tư và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Tăng cường nguồn đầu tư từ xã hội cho phát triển khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Phát triển mạnh các hoạt động xúc tiến chuyển giao, thương mại hóa công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế trong các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ tăng gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2006 - 2010.

Xây dựng 4.000 tiêu chuẩn quốc gia, trong đó 45% tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.

Ban hành 1.000 quy chuẩn kỹ thuật. Bảo đảm 100% các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất vệ sinh, an toàn thực phẩm và ô nhiễm môi trường được quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật.

2. Trên 60% nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, 20% nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có kết quả được công bố trên các tạp chí có uy tín, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Hình thành 10 tổ chức nghiên cứu cơ bản trong các trường đại học trọng điểm quốc gia có đủ tiêu chuẩn và điều kiện hội nhập được với khu vực và thế giới. Xây dựng và hình thành một số tạp chí nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ Việt Nam có thế mạnh, đạt chuẩn mực được quốc tế công nhận.

3. Bảo đảm hoàn thành sớm các chỉ tiêu, tiến độ được xác định trong các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Phát triển 3.000 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong đó số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ hình thành từ các trường đại học, viện nghiên cứu chiếm khoảng 70%.

Tăng giá trị giao dịch công nghệ thành công trên thị trường khoa học và công nghệ đạt bình quân 15 - 17%/năm.

Hình thành 30 tổ chức nghiên cứu và phát triển có cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại và năng lực nghiên cứu mạnh để giải quyết những vấn đề lớn của quốc gia, đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

III. NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHỦ YẾU

1. Đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả pháp luật về khoa học và công nghệ. Kiện toàn tổ chức quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở các Bộ, ngành, địa phương.

b) Tập trung xây dựng và tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh và mục đích công cộng, nhiệm vụ trong các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Ban hành cơ chế, chính sách để khắc phục cơ bản tình trạng phân tán nguồn vốn ngân sách nhà nước về đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; đổi mới cơ chế tạo nguồn, cơ cấu và phương thức phân bổ, điều tiết, sử dụng ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ, từng bước nâng mức đầu tư cho khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

d) Thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trước hết là các sản phẩm quốc gia, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm được tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

đ) Xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm nhà nước theo phương thức đặt hàng của nhà nước và dựa trên cơ chế thẩm định, đánh giá nhiệm vụ theo chuẩn mực quốc tế. Tổ chức đánh giá độc lập kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện và sau nghiệm thu.

g) Ban hành các cơ chế, chính sách hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, trường đại học và các viện nghiên cứu. Xây dựng và ban hành mới các tiêu chuẩn quốc gia theo hướng tăng mức độ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn khu vực. Hình thành và phát triển các tổ chức dịch vụ thông tin, tư vấn, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ, sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

h) Rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ thuộc chương trình, đề án khoa học và công nghệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với việc sắp xếp, tổ chức lại các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ vũ trụ, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, cơ khí và tự động hóa, năng lượng, sản phẩm chủ lực, công nghệ sau thu hoạch).

i) Rà soát, xác định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các Bộ, ngành, địa phương phù hợp với phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu tại Quyết định này.

2. Xác định và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

a) Nghiên cứu cơ bản theo các nội dung:

Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực khoa học tự nhiên Việt Nam có thế mạnh.

Tổng kết thực tiễn nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm, các vấn đề lý luận phục vụ đổi mới hệ thống chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển văn hóa, xây dựng con người mới.

Nghiên cứu khoa học quản lý, quản trị công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững theo các nội dung:

Nâng cao hiệu quả sử dụng, chế tạo mới một số trang thiết bị kỹ thuật có nhu cầu cấp bách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Chế tạo một số thiết bị phòng, chống tội phạm công nghệ cao. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia. Hình thành cơ sở nghiên cứu và đào tạo an toàn, an ninh thông tin đạt trình độ tiên tiến trên thế giới.

Nghiên cứu các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ cảnh báo và dự báo sớm các thiên tai; công nghệ mới trong bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai; các giải pháp an toàn giao thông công cộng.

Xác định mô hình và các giải pháp tái cấu trúc và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế biển, phát triển kinh tế - xã hội các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ.

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh; công nghệ chế tạo, sản xuất trang thiết bị y tế.

Nghiên cứu khắc phục hậu quả lâu dài của chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam.

c) Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản chủ yếu thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

d) Rà soát, sắp xếp và tổ chức lại việc xây dựng và triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước cho các nhiệm vụ nêu trên.

3. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước, trước hết là nguồn vốn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ để thực hiện các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ theo các nội dung sau:

a) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm quốc gia trong một số lĩnh vực ưu tiên. Hình thành doanh nghiệp đi tiên phong sản xuất sản phẩm quốc gia và ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sản phẩm quốc gia.

b) Nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra một số công nghệ cao. Ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp và dịch vụ, nông nghiệp, y tế, môi trường, an ninh, quốc phòng. Xây dựng và phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao

c) Xây dựng và thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia. Nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ. Tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

d) Hỗ trợ phát triển hoạt động nhập khẩu công nghệ, khai thác, tìm kiếm, tư vấn xác định nhu cầu công nghệ trong doanh nghiệp. Phát triển mạnh các trung tâm xúc tiến và hỗ trợ giao dịch công nghệ. Hình thành mạng lưới các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ trong cả nước.

đ) Hỗ trợ quản lý, tuyên truyền, đào tạo về sở hữu trí tuệ; xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân; xây dựng và áp dụng các quy trình quản lý kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học; khai thác thông tin khoa học và công nghệ và sở hữu trí tuệ; áp dụng các sáng chế không được bảo hộ tại Việt Nam; hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ; thành lập và đưa vào hoạt động các tổ chức hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép các đối tượng sở hữu trí tuệ.

e) Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đầy đủ cho các lĩnh vực. Xây dựng mạng lưới tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa chủ lực. Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tuyên truyền, xây dựng phong trào và hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

g) Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

h) Xây dựng và triển khai các dự án ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển khu vực nông thôn, miền núi. Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý khoa học và công nghệ, cán bộ kỹ thuật và tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền cho ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển khu vực nông thôn, miền núi.

i) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ. Huy động có hiệu quả các nguồn lực tài chính, tăng cường nguồn lực thông tin cho hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Triển khai các nhiệm vụ hợp tác quốc tế phục vụ hiệu quả việc thúc đẩy đổi mới công nghệ quốc gia, đặc biệt là công nghệ cao. Xúc tiến thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ của Việt Nam. Đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn chất lượng.

k) Tổ chức điều phối, lồng ghép các nhiệm vụ thuộc các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia. Sớm hình thành và đưa vào hoạt động Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia.

4. Huy động mọi nguồn lực xã hội để nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thị trường khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

a) Tổ chức khảo sát, đánh giá, quy hoạch đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của các trường đại học, viện nghiên cứu. Tập trung đầu tư một số tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm, các nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng lực giải quyết những vấn đề lớn của quốc gia và hội nhập quốc tế.

b) Rà soát, sắp xếp lại, tăng cường đầu tư và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng ở Trung ương và địa phương, trung tâm nghiên cứu tại các khu công nghệ cao.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xã hội, nhất là từ doanh nghiệp, cho phát triển khoa học và công nghệ; hướng dẫn việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

d) Thống kê, đánh giá, phân loại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập ở các cấp, các ngành, trung ương và địa phương để xác định các tổ chức nghiên cứu cơ bản, tổ chức tự trang trải kinh phí, hoặc chuyển thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

đ) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Phát hiện, tìm kiếm các nhóm nghiên cứu trẻ có tiềm năng, nhóm nghiên

cứu mạnh từ các trường đại học, viện nghiên cứu để hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

e) Hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ, tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ; các tổ chức xúc tiến chuyển giao, thương mại hóa công nghệ, hỗ trợ thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác, sử dụng sáng chế trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Tổ chức hoạt động có hiệu quả, nâng cao giá trị thực của các chợ công nghệ, thiết bị và sàn giao dịch công nghệ.

g) Rà soát, đánh giá các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý khoa học và công nghệ của lực lượng cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các cấp. Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ trong các hướng, lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên.

h) Hoàn thiện chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ khoa học và công nghệ, đặc biệt coi trọng nguồn nhân lực trí thức Việt kiều ở nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch công tác khoa học và công nghệ 2011 - 2015, phục vụ thiết thực các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển ngành và địa phương giai đoạn 2011 - 2015.

b) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án đổi mới cơ bản toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ trong năm 2011.

c) Chủ trì chỉ đạo triển khai các chương trình, đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nêu tại Khoản 3 Mục I Điều 1 Quyết định này.

d) Phê duyệt các chương trình, đề tài, dự án trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 theo phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu quy định tại Quyết định này.

đ) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Đề án phát triển tiềm lực một số tổ chức khoa học công nghệ trọng điểm, nhóm nghiên cứu mạnh; phát triển tiềm lực các trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

e) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện các nhiệm vụ của Quyết định này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

a) Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm thực hiện phương hướng, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nội dung quy định tại Điểm 1c, Mục IV Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hàng năm của Bộ, ngành, địa phương và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng